

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY CÔNG THÀNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY CÔNG THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONG THANH ELECTRIC MACHINE  
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CONG THANH ELT .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106929144

**3. Ngày thành lập:** 10/08/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Vực, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0915.223.489

Fax:

Email: namdiep2313@gmail.com

Website: mayphatdienhanoi.com.vn

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2710     |
| 2.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2750     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau:<br>Sản xuất chuông điện; Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện; Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa); Sản xuất máy đổi điện trạng thái rắn, máy đổi điện, pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh, cung cấp năng lượng liên tục; Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện; | 2790     |
| 4.  | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2824     |
| 5.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2392     |
| 6.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2592     |
| 7.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1622     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng;<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;                                                                                                                                                                     | 4663     |
| 9.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4752     |
| 10. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3312     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Sửa chữa thiết bị điện<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sửa chữa và bảo dưỡng mô tô điện, máy phát điện, bộ mô tơ máy phát điện;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3314        |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4100        |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4210        |
| 14. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4220        |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chỉ gồm có: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hoá chất; Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, Đập và đê; Xây dựng đường hầm ; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời;                                                                      | 4290        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Dây dẫn và thiết bị điện; hệ thống chiếu sáng; chuông báo cháy; hệ thống báo động chống trộm; tín hiệu điện và đèn trên đường phố;                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chỉ gồm có: Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh,                                                                                                                                                                                                         | 4329        |
| 19. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 20. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chỉ gồm có: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bao phủ toà nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp | 4390        |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4651        |
| 22. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4652        |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);                                                                                                                                                                                                                                          | 4659(Chính) |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;                                                                                                                                 | 4932        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;                                                                                                                        | 4933                                                                |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                           | 8299                                                                |
| 27. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); | 7730                                                                |
| 28. | (Trong các ngành, nghề có trên không bao gồm: Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định pháp luật).                  | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐÌNH DIỆP  | Thôn Bạch Nao, Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 30        | 001083003130                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 30        |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM THỊ KIM NGÂN | Thôn Bạch Nao, Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 60        | 034184000263                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 60        |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG | Thôn Bạch Nao, Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 10        | 111961019                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 10        |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH DIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 26/01/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001083003130

Ngày cấp: 31/07/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Bạch Nao, Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Bạch Nao, Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội